



CÔNG TY TNHH MTV BẢO CHÂU PHÚ YÊN

-----000-----

## BÁO CÁO

### ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO TẠI RỪNG TRỒNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV BẢO CHÂU, PHÚ YÊN

**Nhóm đánh giá:**

ThS. Lê Trọng Đạt

**Cùng với sự hỗ trợ tại hiện trường của:**

Ông Dương Tử Hào và Ban FSC của Công ty  
(Công ty TNHH MTVV Bảo Châu Phú Yên)

**Tháng 06 năm 2017**

(Cập nhật bổ sung tháng 5 năm 2023)

# MỤC LỤC

DANH MỤC THUẬT NGỮ iv

LỜI CẢM ƠN vi

TÓM TẮT vii

## 1. TỔNG QUAN VỀ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ 1

1.1. Khái niệm Rừng có giá trị bảo tồn cao..... Error! Bookmark not defined.

1.2. Bộ công cụ HCVF cho Việt Nam ..... 2

## 2. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ 3

2. 1. Thông tin chung về Công ty Bảo Châu Phú yên ..... 3

2. 2. Tình hình chung về diện tích rừng các khu vực đánh giá ..... 3

2. 3. Vị trí địa lý ..... 4

2. 4. Điều kiện khí hậu, thủy văn và thổ nhưỡng..... 7

2.5. Tình hình dân cư ..... 8

2. 6. Tình hình sử dụng đất và cảnh quan..... 10

2.7. Các loại hình kinh tế:..... 10

2.8. Sản xuất lâm nghiệp của cộng đồng địa phương: ..... 10

2.9. Hiện trạng tổ chức quản lý của Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên 11

## 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ 13

## 3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO 14

3.1. Kết quả đánh giá theo từng giá trị..... 14

3.2. Tổng hợp các giá trị bảo tồn cao của Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên  
..... 18

## 4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 20

4.1. Kết luận ..... 20

4.2. Khuyến nghị..... 20

## TÀI LIỆU THAM KHẢO 21

## PHỤ LỤC 22

Phụ lục 1. Điều khoản tham chiếu về đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao cho tư vấn  
..... 22

Phụ lục 2. Bảng danh mục các thông tin thứ cấp cần thiết được thu thập tại Công ty  
Bảo Châu Phú Yên..... 23

Phụ lục 3. Chương trình đánh giá HCVPs tại Công ty Bảo Châu Phú Yên...25

Phụ lục 4. Các bản đồ rừng trồng (3 khu vực) của Công ty TNHH MTV Bảo Châu  
Phú Yên...26

**Phụ lục 5. Một số loài nguy cấp có và có thể hiếm gặp tại rừng trồng của Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên ..... 29**

**Phụ lục 6: Một số hệ sinh thái rừng hiếm có, nguy cấp và đang bị đe dọa ở Việt Nam ..... 33**

## DANH MỤC THUẬT NGỮ

Bên có liên quan	Bất kỳ một người, một nhóm hay cơ quan có liên quan đến một khu rừng. Ví dụ: các cơ quan của chính phủ, cộng đồng địa phương, tổ chức phi chính phủ quốc tế
Đa dạng sinh học	Sự đa dạng trong số sinh vật của tất cả các loài sống trên mặt đất, dưới biển và các hệ sinh thái sống dưới nước khác và các tổ hợp sinh thái mà chúng là một phần của nó; bao gồm sự đa dạng về loài và hệ sinh thái.
FSC	Hội đồng Quản trị Rừng Thế giới (Forest Stewardship Council)
Hành lang	Dải rừng liên kết giữa hai khu rừng mà dọc theo lối đi đó các loài động vật hoang dã có thể đi lại
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao (High Conservation Value Forest)
IUCN	Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới
Loài có yếu tố quyết định	Những loài đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong chức năng của hệ sinh thái và việc loại bỏ những loài đó sẽ gây ra những thay đổi mang tính nền tảng cho hệ thống.
Loài đặc hữu	Những loài được coi là những loài chỉ có trong giới hạn địa lý một hay nhiều khu vực, lớn hoặc nhỏ, trong vùng phụ Việt Nam và Đông Dương.
Loài trọng điểm	Những loài mà nhu cầu của chúng có thể tóm lược nhu cầu của hầu hết các loài khác
Nhu cầu cơ bản	Những yêu cầu cho sự tồn tại về mặt kinh tế hoặc tâm sinh lý của một cá thể hoặc một nhóm
Rừng đặc dụng	Hạng mục sử dụng đất của Việt Nam bao gồm các Vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên và các khu bảo vệ
Rừng phòng hộ	Hạng mục đất sử dụng cho mục đích phòng hộ rừng đầu nguồn của Việt Nam.
Rừng trồng	Rừng nhân tạo thường được trồng bởi những loài mọc nhanh và cây không phải là cây bản địa, ví dụ loài thông, bạch đàn, keo lai.
Rừng tự nhiên	Khu rừng được hình thành bởi những loài cây bản địa không phải do bàn tay con người trồng nên. Chúng có thể bị xuống cấp nặng nề nhưng vẫn được coi là mang tính tự nhiên (nếu so với rừng

trồng)

Sách đỏ	Danh sách những loài quý hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng do chính phủ hoặc IUCN lập.
Tài nguyên có yếu tố quyết định	Những nguồn tài nguyên đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong chức năng của hệ sinh thái và việc loại bỏ chúng sẽ gây ra những thay đổi mang tính nền tảng cho hệ thống.
Tầm quan trọng mang tính nền tảng	Một dịch vụ rừng trong đó, 1) đóng góp từ 15 – 20% vào tính kinh tế tiền tệ gia đình hoặc chế độ ăn uống thường ngày của gia đình và không thể bị thay thế bởi những nguồn thay thế khác một cách dễ dàng, có nghĩa là, việc sử dụng nó là không theo ý muốn và/hoặc, 2) sự mất đi hay xuống cấp của dịch vụ này sẽ gây ra tác động nghiêm trọng đến sức khỏe và sự sinh tồn của người sử dụng.
UBND	Ủy ban nhân dân
Vùng đệm	Vùng nằm xung quanh một Vườn quốc gia trong đó sự phát triển được kiểm soát nhằm tối thiểu hoá những tác động đến Vườn, và hỗ trợ việc bảo tồn đa dạng sinh học.
WWF	Quỹ quốc tế về bảo vệ thiên nhiên

## LỜI CẢM ƠN

Nhóm tư vấn đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ tận tình của ông Trần Đăng Khoa – Tổng Giám đốc, ông Đặng Văn Cần và ông Dương Tử Hào Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên đã sắp xếp và bố trí lịch làm việc, các cuộc họp, các cuộc phỏng vấn, các chuyến thăm hiện trường tại các khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn và An Thọ và Hoà Quang Bắc.

Nhóm tư vấn đặc biệt cảm ơn tới các ông Dương Tử Hào – P. Tổng giám đốc Công ty, Lê Hữu Anh Tuấn, Trần Văn Hoá, nhân viên của Công ty đã tham gia cùng nhóm đánh giá thực hiện các hoạt động phỏng vấn người dân, làm việc với chính quyền địa phương và đánh giá tại hiện trường.

Chúng tôi cũng trân trọng cảm ơn các cán bộ các trạm đã giành thời gian cùng trao đổi, cung cấp thông tin và tham gia thảo luận tại các cuộc họp nhanh và các buổi phỏng vấn riêng rẽ. Cuối cùng, đặc biệt cảm ơn đối với cán bộ bảo vệ rừng trạm Kiêu Kiêu đã tiếp đãi và cho đoàn lưu trú.

## TÓM TẮT

Trong thời gian 5 ngày (03-07/06/2017) với sự hỗ trợ của cán bộ Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên và các bên có liên quan, đoàn tư vấn đã tiến hành đánh giá giá trị bảo tồn cao tại các khu vực đã trồng rừng của Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên trên địa bàn tỉnh.

Và sau đó với thời gian 05 ngày (05 – 10/05/2023) các thành viên Ban FSC của Công ty Bảo Châu Phú Yên đã tiến hành điều tra, đánh giá để cập nhật lại các giá trị hiện hữu trên lâm phần tham gia chứng nhận đợt này.

**\*Phương pháp thực hiện:**

- Xem xét các tài liệu hiện có, như các Báo cáo đánh giá của các chuyên gia trước, các Quyết định của các cấp, và các Báo cáo của các địa phương, ...

- Công tác hiện trường: mỗi hiện trường được chia làm 2 nhóm, nhóm phụ trách việc phỏng vấn các bên liên quan, các người dân sinh sống trên địa bàn để nắm các thông tin cần thiết liên quan phục vụ cho công tác điều tra HCVF trên khu vực. nhóm còn lại sẽ cùng lực lượng quản lý bảo vệ rừng khu vực đi hiện trường các rừng, điều tra theo các tuyến, nắm bắt các thông tin về các sự phân bố, tồn tại (nếu có) của các loài động thực vật để phục vụ điều tra đánh giá HCVF trên lâm phần.

Kết quả xem xét các tài liệu sẵn có, phỏng vấn bên liên quan và đánh giá ngoài hiện trường dựa trên phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân trên các khu vực cho thấy rừng trồng của Công ty Bảo Châu Phú Yên không có giá trị bảo tồn cao, rừng trồng ở đây chỉ có một số đặc điểm như sau:

- Toàn bộ diện tích rừng mà Công ty Bảo Châu Phú Yên đăng ký tham gia duy trì chứng nhận lần này đều là rừng trồng, không có những đặc điểm tương tự như rừng tự nhiên. Không có các loài động thực vật quý hiếm xuất hiện trên các diện tích rừng trồng này
- Trên một số khu vực rừng trồng và đất lâm nghiệp do Công ty quản lý có những diện tích rừng tái sinh tự nhiên với chức năng rừng sản xuất mà Công ty đã chừa lại để phục vụ công tác Bảo tồn, vùng đệm. và qua quá trình điều tra cũng cho thấy không có sự tồn tại của các loài động thực vật rừng quý hiếm.
- Không có cộng đồng người địa phương sống bên trong diện tích rừng trồng của Công ty quản lý, Chỉ có một số cộng đồng sống liền kề khu vực rừng của Công ty nên các yếu tố về văn hoá truyền thống là không có.
- Phần lớn diện tích rừng trồng nằm trên địa bàn bằng phẳng, và xa khu vực dân cư, nên chỉ mang yếu tố là rừng sản xuất chứ không có đặc tính hay vai trò phòng hộ.
- Rừng trồng không có ý nghĩa cung cấp nhu cầu cơ bản cho đời sống của cộng đồng địa phương và cũng không có ý nghĩa về văn hóa.

Tóm tắt HCVF tại diện tích rừng của Công ty Bảo Châu Phú Yên:

<b>Giá trị</b>	<b>Kết quả đánh giá</b>
----------------	-------------------------

<b>Giá trị</b>	<b>Kết quả đánh giá</b>
HCV1: Tập trung các giá trị đa dạng sinh học	KHÔNG HIỆN HỮU
1.1: Các khu bảo vệ	Không hiện hữu
1.2: Các loài bị đe dọa và nguy cấp	Không hiện hữu
1.3: Loài đặc hữu	Không hiện hữu
HCV2: Rừng cấp cảnh quan	KHÔNG HIỆN HỮU
2.1: Dải rừng liên tục	Không hiện hữu
2.2: Điều kiện rừng còn gần tự nhiên	Không hiện hữu
2.3: Diện tích rộng hơn 10.000 ha	Không hiện hữu
2.4: Quần thể loài trọng yếu	Không hiện hữu
HCV3: Các kiểu rừng bị đe dọa	KHÔNG HIỆN HỮU
3.1: Hệ sinh thái hiếm	Không hiện hữu
3.2: Hiện còn trong điều kiện tốt	Không hiện hữu
HCV4: Dịch vụ của tự nhiên	KHÔNG HIỆN HỮU
4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thủy lợi và thủy điện	Không hiện hữu
4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng hộ xói lở đất, lũ lụt và lắng đọng trầm tích	Không hiện hữu
4.3: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sống tại khu vực	Không hiện hữu
HCV5: Nhu cầu cơ bản	KHÔNG HIỆN HỮU
5.1: Có những cộng đồng sinh sống trong hoặc gần một khu rừng?	Có hiện hữu
5.2: Những cộng đồng sử dụng rừng đáp ứng các nhu cầu cơ bản	Không hiện hữu
5.3: Những nhu cầu cơ bản là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương?	Không hiện hữu
HCV6: Nhận diện văn hoá	KHÔNG HIỆN HỮU

<b>Giá trị</b>	<b>Kết quả đánh giá</b>
6.1: Có cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng?	Có hiện hữu
6.2: Những cộng đồng có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ?	Không hiện hữu
6.3: Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa không?	Không hiện hữu

\*Tóm tắt kết quả của quá trình điều tra cập nhật HCVPs tại diện tích rừng trồng của Công ty Bảo Châu Phú Yên trên toàn diện lâm phần tham gia duy trì chứng nhận FSC.

<b>Giá trị</b>	<b>Kết quả điều tra cập nhật</b>
HCV1: Tập trung các giá trị đa dạng sinh học	KHÔNG HIỆN HỮU
1.1: Các khu bảo vệ, bảo tồn	Không có
1.2: Các loài bị đe dọa và nguy cấp của Việt Nam.	Không có
1.3: Loài đặc hữu	Không có
HCV2: Rừng cấp cảnh quan	KHÔNG HIỆN HỮU
2.1: Dải rừng liên tục	Không có
2.2: Điều kiện rừng còn gần tự nhiên	Không có
2.3: Diện tích rộng hơn 10.000 ha	Không có
2.4: Quần thể loài trọng yếu	Không có
HCV3: Các kiểu rừng bị đe dọa	KHÔNG HIỆN HỮU
3.1: Hệ sinh thái hiếm	Không có
3.2: Hiện còn trong điều kiện tốt	Không có
HCV4: Dịch vụ của tự nhiên	KHÔNG HIỆN HỮU
4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thủy lợi và thủy điện	Không có

<b>Giá trị</b>	<b>Kết quả điều tra cập nhật</b>
4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng hộ xói lở đất, lũ lụt và lắng đọng trầm tích	Không có
4.3: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sống tại khu vực	Không có
HCV5: Nhu cầu cơ bản	<b>KHÔNG HIỆN HỮU</b>
5.1: Có những cộng đồng sinh sống trong hoặc gần một khu rừng?	Không có
5.2: Những cộng đồng sử dụng rừng đáp ứng các nhu cầu cơ bản	Không có
5.3: Những nhu cầu cơ bản là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương?	Không có
HCV6: Nhận diện văn hoá	<b>KHÔNG HIỆN HỮU</b>
6.1: Có cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng?	Không có
6.2: Những cộng đồng có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ?	Không hiện hữu
6.3: Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa không?	Không hiện hữu

Do vậy, có thể kết luận là rừng của Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên không có các giá trị bảo tồn cao như định nghĩa trong tiêu chuẩn FSC và trong bộ công cụ về rừng có giá trị bảo tồn cao của ProForest và WWF Việt Nam hướng dẫn xác định.

# 1. TỔNG QUAN VỀ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO VÀ ĐỊA ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐÁNH GIÁ.

## 1.1 Xây dựng căn cứ trên nguyên tắc mà FSC đã ban hành.

### *Nguyên tắc #9: Duy trì Rừng có giá trị bảo tồn cao*

Các hoạt động quản lý Rừng có giá trị bảo tồn cao sẽ bảo tồn hoặc nâng cao những thuộc tính xác định đối với loại hình rừng đó. Các quyết định liên quan về Rừng có giá trị bảo tồn cao sẽ luôn được cân nhắc trong khuôn khổ của phương pháp tiếp cận phòng ngừa.

*9.1 Hoạt động đánh giá nhằm quyết định sự hiện hữu của các thuộc tính đi kèm với Rừng có giá trị bảo tồn cao phải được hoàn tất, phù hợp với quy mô và cường độ của hoạt động quản lý rừng.*

*9.2 Các hoạt động tư vấn trong quá trình đánh giá cấp chứng chỉ phải chú trọng vào các thuộc tính bảo tồn được xác định, và các giải pháp bảo tồn đưa ra từ đó.*

*9.3 Kế hoạch quản lý sẽ phải bao gồm và thực hiện những hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo việc bảo vệ và/hoặc cải thiện các thuộc tính bảo tồn thích hợp nhất quán với phương pháp tiếp cận phòng ngừa. Những hoạt động này sẽ được bao gồm cụ thể trong bản tóm tắt kế hoạch quản lý công khai sẵn có.*

*9.4 Hoạt động giám sát đánh giá hàng năm sẽ được tiến hành nhằm đánh giá hiệu quả các hoạt động được triển khai nhằm duy trì hoặc cải thiện các thuộc tính bảo tồn*

(Nguồn: FSC 2004)

Để có được những hướng dẫn chi tiết hơn cho các nhà quản lý rừng, FSC đưa ra định nghĩa Rừng có giá trị bảo tồn cao như là những loại rừng có một hay nhiều thuộc tính sau:

*HCV 1: các diện tích rừng tập trung các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia (chẳng hạn như các loài đặc hữu, các loài đang bị đe dọa).*

*HCV 2: các diện tích rừng bao gồm rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia, nằm trong hay bao gồm cả một đơn vị quản lý rừng, là nơi hầu hết nếu như không phải là tất cả các quần xã các loài tồn tại tự nhiên theo các kiểu phân bố và phong phú tự nhiên.*

*HCV 3: các diện tích rừng nằm bên trong hoặc bao gồm các hệ sinh thái quý hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp.*

*HCV 4: các diện tích rừng cung cấp các dịch vụ cơ bản tự nhiên trong các tình trạng nghiêm ngặt (chẳng hạn như bảo vệ nguồn nước, kiểm soát tình trạng xói mòn đất)*

*HCV 5: các diện tích rừng thiết yếu trong việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (chẳng hạn như sinh kế, sức khỏe)*

*HCV 6: các diện tích rừng đóng vai trò quan trọng đối với bản sắc văn hoá truyền thống của các cộng đồng địa phương (các khu vực có ý nghĩa văn hoá, sinh thái, kinh tế hay tôn giáo được xác định với sự hợp tác của các cộng đồng địa phương đó).*

Vì vậy một khu rừng được coi là một HCVF nếu nó bao gồm một hay nhiều giá trị được nêu ở trên. Điểm then chốt của nguyên tắc này chính là khái niệm về *các giá trị*. HCVF không liên quan đến việc bảo tồn một loài hiếm có đơn lẻ hay các quyền của cộng

đồng. Khái niệm này tổng quát hơn và vì vậy cũng khó định nghĩa hơn. Các giá trị có liên quan nhiều hơn đến chức năng của một khu rừng ở quy mô địa phương, khu vực hay toàn cầu. Những chức năng này có thể là những chức năng cụ thể như phòng hộ rừng đầu nguồn hoặc duy trì nguồn thực phẩm cho người dân địa phương. Tuy nhiên nó cũng bao gồm nhiều yếu tố mang tính lý thuyết hơn như một quần thể loài đặc hữu có thể không có giá trị kinh tế rõ ràng nhưng có tầm quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sự sống.

Điều này đưa đến những kết quả quan trọng đối với các giải pháp quản lý. Hoạt động quản lý phải *duy trì hoặc nâng cao* các giá trị đó chứ không phải chỉ bảo vệ nó. Chẳng hạn, việc khai thác gỗ có thể được phép ở những khu vực rừng đầu nguồn quan trọng nếu nó được thực hiện với phương thức không làm ảnh hưởng đến chức năng kiểm soát nước trong khu vực đó. Các hoạt động tương tự có thể tiếp diễn trong các khu vực có giá trị xã hội nhưng hoạt động quản lý phải không gây tác động tiêu cực đến các giá trị được cho là quan trọng đối với các cộng đồng địa phương.

Các ý tưởng được đưa ra trong HCVF không phải là mới. Có nhiều công cụ khác nhằm ưu tiên những khu vực có tầm quan trọng về bảo tồn hoặc xã hội. Nhưng một trong những lý do HCVF được sử dụng phổ biến là bằng một cách thức tương đối đơn giản nó kết hợp các yếu tố về mặt môi trường cũng như xã hội trong cùng một khái niệm. Bộ công cụ HCVF (ProForest 2003) được nêu như sau:

“Công cụ này ... phản ánh tính đại diện cao của khái niệm, nó đã loại bỏ được những tranh cãi từ các định nghĩa về các loại hình rừng cụ thể (ví dụ như rừng nguyên sinh, rừng phát triển chậm) hoặc các phương thức khai thác gỗ (ví dụ khai thác kiểu công nghiệp) đến việc tập trung vào các giá trị làm cho rừng trở nên quan trọng đặc biệt. Bằng việc xác định những giá trị then chốt và đảm bảo rằng chúng được bảo tồn hoặc cải thiện, có thể ra các quyết định quản lý hợp lý thống nhất với việc bảo tồn các giá trị môi trường và xã hội quan trọng của một khu rừng.”

## **1.2. Bộ công cụ HCVF cho Việt Nam**

HCVF phù hợp với Việt Nam nơi bối cảnh sinh thái, môi trường và xã hội đảm bảo rằng hầu hết những người sử dụng rừng tự nhiên đang hoạt động trong một khu rừng có giá trị bảo tồn cao. Khái niệm này, tuy còn mới đối với Việt Nam và có thể dẫn tới một số nhầm lẫn. Để giải quyết vấn đề này, WWF Việt Nam đã tiến hành một quy trình xây dựng một bộ hướng dẫn nhằm hỗ trợ việc xác định HCVF ở Việt Nam. Tài liệu này, được biết đến như là bộ công cụ về HCVF (WWF VN 2008), là sự phỏng theo bộ công cụ HCVF chung do ProForest xây dựng (ProForest 2003). Bộ công cụ này được thiết kế nhằm giúp đỡ các bên có liên quan xác định xem có HCVF hay không và cung cấp một số hướng dẫn về cách quản lý và giám sát các khu vực này.

Bộ công cụ cho Việt Nam bao gồm các tiêu chí và chỉ số về những gì biểu trưng cho HCVF ở Việt Nam. Bộ công cụ dẫn dắt người sử dụng qua một sê-ri câu hỏi nhằm giúp xác định các giá trị hiện có.

## **2. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**

### **2.1. Thông tin chung về Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên.**

Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên (sau đây sẽ được gọi tắt là Công ty Bảo Châu Phú Yên) là Công ty thuộc tỉnh Phú Yên, thành lập ngày 03 tháng 06 năm 2003. Công ty Bảo Châu Phú Yên đầu tư trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh, trong đó lĩnh vực đầu tư được Công ty chú trọng là lâm nghiệp như trồng rừng, khai thác gỗ, chế biến gỗ.

Công ty Bảo Châu Phú Yên đang quản lý một diện tích rừng trồng khá lớn tại tỉnh Phú Yên. Với chiến lược phát triển mang tính bền vững, Công ty Bảo Châu Phú Yên đã và luôn hướng đến quá trình thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững nhằm tiến tới đạt được chứng chỉ rừng FSC lâu dài và liên tục.

Công ty Bảo Châu Phú Yên hiện có diện tích đã trồng Keo (Keo lai) là 4.017,12 ha, nhưng sẽ tham gia đánh giá chứng nhận FSC lần này là 1.690,78 ha. Cộng với 344,18 ha đất lâm nghiệp đã được UBND Tỉnh Phú Yên phê duyệt dự án đầu tư và đang chờ thực hiện kế hoạch trồng rừng trong năm 2023. Mô hình trồng Keo với chu kỳ kinh doanh là 7 năm.

Trụ sở chính:

- Trụ sở chính: 139 Hùng Vương, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại: 02573836255; Fax: 0257 383 6255
- Email: congtybaochaupy@gmail.com
- Mã số thuế: 4400326758
- Tài khoản giao dịch:
- Vốn Điều lệ: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ đồng).

Ngành nghề hoạt động chủ yếu:

- Khai thác mua bán gỗ rừng trồng các loại.
- Chế biến lâm sản, chế biến gỗ rừng trồng và gỗ rừng tự nhiên.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, thủy lợi.
- Xuất nhập khẩu khoáng sản.
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất, gỗ mỹ nghệ.
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và khai thác rừng.

### **2.2. Tình hình chung về diện tích rừng các khu vực đánh giá**

Diện tích rừng đăng ký đánh giá chứng nhận FSC cho lần này là 1.690,78 ha phân bố trên 4 khu vực được đánh giá, cụ thể được chia theo các đơn vị quản lý như sau:

**Bảng 01: Diện tích rừng cần đánh giá tác động môi trường chia theo đơn vị quản lý**

<b>TT</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Tổng diện tích (ha)</b>
1	Khu vực Kiêu Kiêu – Sơn Xuân	192,23
2	Khu vực Hậu Sơn – Xuân Lâm	362,41
3	Dự án Phú Hoà – Phú Hoà	775
	Khu vực Hoà Quang Bắc	361,14
	<b>Tổng</b>	<b>1.690,78</b>

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên.*

### **2.3. Vị trí địa lý**

Phần lớn lâm phần quản lý của Công ty Bảo Châu Phú Yên tương đối bằng phẳng, cục bộ một số khu vực có dạng đồi núi thấp, tuy nhiên phần lớn địa hình bị chia cắt bởi nhiều đồi núi và khe suối cạn. Diện tích rừng trồng mà Công ty Bảo Châu Phú Yên đang đã trồng và đang quản lý trong lần tham gia đánh giá này là 1.690,78 ha phân bố tại 4 khu vực:

Khu vực Kiêu Kiêu-Sơn Xuân: Nằm trên phạm vi quản lý hành chính của xã Sơn Xuân huyện Sơn Hoà tỉnh Phú Yên. Khu vực này thuộc khoảnh 4, 6, 7, tiểu khu 190. Khu vực này có diện tích 192,23 ha, chiếm 4,79 % tổng diện tích rừng trồng của Công ty, là nơi tập trung chủ yếu các hoạt động sản xuất kinh doanh rừng.

\* Vị trí địa lí:

*Tọa độ xác định: (Hệ VN 2000) X- 565.334- 564.085 Kinh độ Đông  
Y- 1.451.849 – 1.449.359 Vĩ độ Bắc*

\* Phạm vi ranh giới: phía Bắc giáp với đất Ic . Phía Nam giáp đất Ic, Ib. Phía Đông giáp với ranh giới huyện Phú Hoà . Phía Tây giáp khu vực đất quốc phòng.

Khu vực Hậu Sơn – Xuân Lâm: Thuộc phạm vi quản lý hành chính của xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu, phía bắc của tỉnh Phú Yên. Diện tích là 362,41 ha.

\* Vị trí địa lí: từ 13<sup>0</sup>41'47" vĩ độ Bắc đến 109<sup>0</sup>18'48" kinh độ Đông

\* Phạm vi ranh giới: phía Bắc giáp với xã Xuân Lộc, xã Xuân Bình, Xuân Phương. Phía Nam giáp Xã Xuân Thọ 1, Phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu; xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân. Phía Đông giáp với xã Xuân Phương, phường Xuân Yên, phường Xuân Phú, phường Xuân Thành. Phía Tây giáp xã Đa Lộc, Xuân Lãnh, Xuân Long, huyện Đồng Xuân; xã Phước Mỹ, Huyện Tuy Phước, xã Canh Hiệp, Huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Khu vực Dự án Phú Hoà: Thuộc phạm vi quản lý hành chính của 3 xã là Hoà Quang Bắc, Hoà Quang Nam và Hoà Hội tỉnh Phú Yên. Diện tích là 775 ha.

\* Vị trí địa lí:

Địa điểm thực hiện dự án: Tiểu khu 264 thuộc xã Hòa Quang Bắc, tiểu khu 271 xã Hòa Quang Nam và Tiểu khu 268 xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Tọa độ xác định: (Hệ VN 2000):

X-568.752- 572.776 Kinh độ Đông

Y- 1.447.737 – 1452.542 Vĩ độ Bắc

\* Phạm vi ranh giới:

+ Phía Đông giáp: Đất UBND xã Hòa Quang Nam quản lý.

+ Phía Tây giáp: Đất UBND xã Hòa Hội quản lý

+ Phía Bắc giáp: Đất UBND xã Hòa Quang Bắc quản lý

+ Phía Nam giáp: Đất UBND xã Hòa Hội quản lý.

Loài cây chính để trồng rừng của Công ty là cây Keo lai (*Acacia hybrid*), Diện tích rừng trồng, năm trồng và loài cây trồng được tổng hợp như Bảng 3 và 4.

**Bảng 2:** Tổng hợp diện tích rừng trồng đã có và kế hoạch dự kiến trồng mới năm 2023

TT	Khu vực	Diện tích đã trồng rừng	Diện tích chưa có rừng (hoặc có rừng nhưng chưa tham gia đánh giá lần này)	Diện tích tham gia đánh giá FSC đợt này	Kế hoạch dự kiến trồng rừng năm 2023 (ha)	Tổng cộng (ha)
I	Kiều kiều - Sơn Xuân	242,23	50	192,23	-	242,23
1	Tiểu khu	190				
2	Tiểu khu					
II	Dự án Hòa Quang Bắc	571,41	210,27	361,14	-	571,41
1	Tiểu khu	264,265				
2	Tiểu khu					
III	Dự án Phú Hòa	1.151,16	376,16	775	-	1.151,16
1	Tiểu khu	264, 271, 267 và 268				

TT	Khu vực	Diện tích đã trồng rừng	Diện tích chưa có rừng (hoặc có rừng nhưng chưa tham gia đánh giá lần này)	Diện tích tham gia đánh giá FSC đợt này	Kế hoạch dự kiến trồng rừng năm 2023 (ha)	Tổng cộng (ha)
IV	Hậu Sơn – Xuân Lâm	362,41	-	362,41		362,41
1	Tiểu khu	21, 22				
V	Dự án Sông Cầu GD3	605,39	605,39	-	-	605,39
1	Tiểu khu	22, 23				
VI	Dự án Sông Cầu GD4	114,15	287,29	-	287,29	401,44
5	Tiểu khu	38, 39, 40, 41, 20 và 37				
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.046,75</b>	<b>287,29</b>	<b>1.690,78</b>		<b>3.334,04</b>

Nguồn: Phương án QLRBV của Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên, 2017(cập nhật 2023)

Tổng diện tích dự kiến đưa vào đánh giá cấp chứng chỉ là 1.690,78 ha (diện tích đã trồng rừng).

**Bảng 3:** Tổng hợp diện tích theo loài cây và năm trồng phần DT tham gia FSC.

TT	Năm trồng	Diện tích trồng (ha)	Tiểu khu	Loài cây
1	2016	67,28	265	Keo lai
2	2018	548,11	271,190, 22, 23	Keo lai
3	2019	360,16	264	Keo lai
4	2013	80,92	265	Keo lai
5	2014	170,86	265	Keo lai
6	2015	187,09	265	Keo lai

7	2020	105,46	190	Keo lai
Tổng cộng diện tích rừng trồng đến tháng 12/2022		<b>1.519,88 ha (với 170,90 ha cho vùng đệm)</b>		

Nguồn: Phương án QLRBV của Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên, 2017(cập nhật năm 2023)

## **2. 4. Điều kiện khí hậu, thủy văn và thổ nhưỡng**

### **2. 4. 1. Khí hậu**

Diện tích rừng trồng của Công ty Bảo Châu Phú Yên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo gió mùa. Một năm có 2 mùa rõ rệt mùa mưa và mùa khô:

- Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8.
- Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau.
- Nhiệt độ bình quân trong năm cao đều và ổn định từ 26,3<sup>0</sup>C-27,3<sup>0</sup>C.
- Trung bình cao nhất 29<sup>0</sup> C thường xuất hiện vào tháng 3 và tháng 4.
- Trung bình thấp nhất 25<sup>0</sup> C thường xuất hiện vào tháng 12.

### **2. 4. 2. Thủy văn**

\* Lượng mưa:

- Bình quân năm: 2.500 mm.
- Thấp nhất: 1.700 mm vào tháng 01.
- Cao nhất: 4.650 mm vào tháng 07.

\* Độ ẩm không khí:

- Bình quân trong năm 78%.
- Cao nhất 87% trong các tháng mùa mưa.
- Thấp nhất 65% xuất hiện trong các tháng cao điểm mùa khô (tháng 1, tháng 2).

Xung quanh khu vực rừng và đất rừng của Công ty Bảo Châu Phú Yên hiện đang quản lý liên kết diện tích trồng keo, mía, rẫy của người dân sống xung quanh và rừng phòng hộ tự nhiên. Quanh khu vực rừng do Công ty Bảo Châu Phú Yên quản lý có hệ thống suối cạn nước vào mùa khô nhưng vào mùa mưa thường ngập cục bộ một cách ngắn hạn tùy theo địa hình. Các dòng suối ít có khả năng cung cấp nước cho việc sản xuất nông nghiệp.

### **2. 4. 3. Địa hình và thổ nhưỡng**

\* Khu vực Kiều Kiều – Sơn Hòa: Địa hình tương đối bằng phẳng, có nhiều khe suối nhỏ chia cắt, thuận lợi cho việc đi lại thi công trồng chăm sóc và bảo vệ rừng. Các chỉ tiêu bình quân như độ cao tuyệt đối là 369.3 m, độ cao tương đối là 270.0 m, độ dốc phổ biến là 10-15<sup>0</sup>. Đất đai thổ nhưỡng là đất nâu vàng trên đá macma axit, đất đỏ vàng trên đá macma

axit; độ dày tầng đất từ 50-70 cm, thành phần cơ giới; thịt trung bình, tỉ lệ đá lẫn từ 30%, đất khô, độ nén trung bình, đất nhiều mùn, xếp nhóm 3.

\* Khu vực Hậu Sơn – Xuân Lâm: Địa hình bao gồm những cụm đồi nối liền nhau ít bị chia cắt. Diện tích phân bố trên sườn đông nghiêng về phía Tây địa hình tương đối dốc, chỉ có những khe suối nhỏ có nước theo mùa. Các chỉ tiêu bình quân như độ cao tuyệt đối là 460 m, độ cao tương đối là 150 m, độ dốc phổ biến là 18-25<sup>0</sup>. Do đặc điểm khu vực có địa hình chuyển tiếp mạnh giữa vùng đồi núi cao với vùng trung du, độ che phủ thấp, độ dốc cao, xói mòn mạnh vào mùa mưa và thường hạn hán vào mùa nắng, dẫn đến đất bị rửa trôi mạnh đất đai bạc màu tro sỏi đá, xếp nhóm 3.

\* Khu vực Dự án Phú Hòa : Địa hình tương đối bằng phẳng, có nhiều khe suối nhỏ chia cắt, thuận lợi cho việc đi lại thi công trồng chăm sóc và bảo vệ rừng. Các chỉ tiêu tự nhiên bình quân như : độ cao tuyệt đối là 350,5 m, độ cao tương đối là 200,0 m, độ dốc phổ biến là 10-15<sup>0</sup>. Đất đai thổ nhưỡng là đất nâu vàng trên đá macma axit, đất đỏ vàng trên đá macma axit; độ dày tầng đất từ 70-90 cm, thành phần cơ giới; thịt trung bình, tỉ lệ đá lẫn từ 20%, đất khô, độ nén trung bình, đất nhiều mùn, xếp nhóm 2.

Với tình hình khí hậu, thủy văn và địa chất như trên nên nhìn chung tình hình xói mòn xảy ra không đáng kể, chỉ tập trung ở những khu vực có độ dốc trên 15<sup>0</sup> trong khoảng thời gian đầu mùa mưa. Lượng xói mòn không nhiều vì chủ yếu xung quanh các khu vực được đánh giá là các suối cạn nên được thảm thực bì thường xuyên che phủ. Theo phản ánh của dân thì chất lượng nguồn nước ngầm tốt, sử dụng cho sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình sinh sống xung quanh khu

## 2.5. Tình hình dân cư

### 2.5.1. Dân số và mật độ:

Dân số tại các khu vực tiến hành đánh giá tác động xã hội được tổng hợp theo số liệu thống kê về dân số và mật độ được thể hiện ở bảng dưới đây:

**Bảng 05: Dân số và mật độ dân số**

TT	Xã, huyện	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số (người)	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )
1	Sơn Xuân, Sơn Hoà	49	1.5525	31,6
2	Hoà Quang Bắc, Phú Hoà	51	12.5265	215,0
3	Hoà Quang Nam, Phú Hoà	36	13.370	371,0
4	Hoà Hội, Phú Hoà	54	4.135	76,4
6	Xuân Lâm, Sông Cầu	14	4.040	297,0

Nguồn: Phương án QLRBV của Công ty Bảo Châu Phú Yên giai đoạn 2017-2022, cập nhật năm 2023

Tổng số dân số huyện Sơn Hòa tính đến 2016 là 7.647 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trung bình là 1,53%. Tổng số lao động là 5.352 người. Trong đó, 95% là sản xuất nông lâm nghiệp.

Tổng số dân số huyện Phú Hòa: 106.846 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trung bình là 1.60 %. Tổng số lao động là 74.800 người. Trong đó, 90% là sản xuất nông lâm nghiệp.

Tổng số dân số của thị xã Sông Cầu là 101.521 người. với 14 đơn vị hành chính. Trong đó có 4 phường và 10 xã. Với diện tích tự nhiên là 489,28 km<sup>2</sup>

### 2. 5. 2. Lao động

Lực lượng lao động ở các xã khác nhau được đánh giá tác động xã hội được thống kê về số hộ gia đình và lực lượng lao động được tổng hợp theo bảng sau:

**Bảng 06: Số hộ gia đình và số lao động ở các xã được đánh giá tác động môi trường**

TT	Xã, huyện	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu			Lao động (%)
			Tổng số (người)	Tỉ lệ Nam (%)	Tỉ lệ Nữ (%)	
1	Sơn Xuân, Sơn Hoà	487	1.552	50,3	49,7	68
2	Hoà Quang Bắc, Sơn Hoà	3.005	12.526	40,5	49,5	65
3	Hoà Quang Nam, Sơn Hoà	3.497	13.370	49,2	50,8	60
4	Hoà Hội, Sơn Hoà	1.149	4.135	45,0	55,0	68
5	An Thọ, Tuy An	1.072	3.416	42,3	57,7	73
6	Xuân Lâm, Sông Cầu	829	4.040	51,0	49,0	75

*Nguồn: Phương án QLRBV của Công ty Bảo Châu Phú Yên Phú Yên giai đoạn 2017-2022*

Đây là nguồn lực lao động chủ yếu tham gia vào công tác trồng rừng, chăm sóc rừng và tham gia bảo vệ rừng cho Công ty trong những năm qua và những năm sắp tới. Đáp ứng yêu cầu cho mục đích quản lý rừng bền vững.

### 2. 5. 3. Dân tộc

Phần lớn người dân sinh sống và sản xuất trong vùng chủ yếu là người Kinh. Đời sống văn hóa mang đậm bản chất văn hóa Nam trung Bộ với các tục lệ: thờ cúng ông bà, cưới hỏi, các tục lệ lễ, Tết....

## **2. 6. Tình hình sử dụng đất và cảnh quan**

Diện tích rừng trồng được đánh giá tác động môi trường và rừng có giá trị bảo tồn cao của Công ty Bảo Châu Phú Yên là phát triển trên đất trống đồi núi trọc trước đó.

Xung quanh khu vực đất Công ty Bảo Châu Phú Yên đang quản lý có rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Rừng tự nhiên còn lại chủ yếu tập trung ở gần khu vực Kiềng Kiềng, Hậu Sơn. Do vậy mà các hoạt động sản xuất lâm nghiệp của người dân xung quanh cũng có phụ thuộc một ít vào các hoạt động lâm nghiệp của Công ty Bảo Châu Phú Yên. Các hoạt động lâm nghiệp mà người dân tại các khu vực thường tham gia là QLBV rừng cho Công ty Bảo Châu theo hợp đồng lao động ký kết với Công ty Bảo Châu Phú Yên và nhận khoán thi công theo các hạng mục công việc trồng, chăm sóc, QLBV phòng chống cháy rừng...

Tuy nhiên, khu vực xung quanh các khu rừng được đánh giá tác động môi trường và rừng có giá trị bảo tồn cao có một số diện tích đất sản xuất nông nghiệp của hộ dân. Các loài cây nông nghiệp được trồng chính trong khu vực là mía (ở khu vực Kiềng Kiềng) và keo. Tuy nhiên, nếu dựa vào diện tích các cây trồng mới, chưa cho sản phẩm thì có thể thấy rằng cây keo, mía đang được người dân quan tâm và đây có thể là cây thế mạnh, tạo được giá trị kinh tế của các địa phương.

Với tính đặc thù sử dụng đất như trên đã tạo ra một cảnh quan không mấy đồng bộ và thuần nhất giữa rừng và cây trồng nông nghiệp. Những diện tích rừng liên khoảnh nhưng bên cạnh những mảnh vườn trồng cây nông nghiệp như mía.

### **2.7. Các loại hình kinh tế:**

Trồng trọt: Khu vực Kiềng Kiềng, xung quanh diện tích rừng và đất lâm nghiệp do Công ty quản lý, người dân tại đây chủ yếu trồng trọt các loại cây sắn, mía, trên nương rẫy của gia đình; một số hộ dân có điều kiện thì trồng rừng keo.

Chăn nuôi, đánh bắt thủy sản: Một số hộ nhỏ lẻ có điều kiện kinh tế thì tổ chức chăn nuôi bò, gà, vịt trên nương rẫy của gia đình. Trên những khu vực này không có sông, suối lớn nên không thể nuôi trồng thủy sản được.

### **2.8. Sản xuất lâm nghiệp của cộng đồng địa phương:**

Thống kê trên địa bàn các xã có diện tích đất rừng trồng của do quản lý, chính quyền địa phương đã giao cấp đất cho hộ gia đình sinh sống tại đây, hầu hết các hộ gia đình người dân đã tham gia trồng rừng sản xuất trên diện tích đất đã cấp, tuy nhiên các hộ gia đình trồng rừng có tính chất nhỏ lẻ; hầu hết diện tích rừng trồng gần khu dân cư và nơi có đường giao thông thuận tiện. Điều kiện kinh tế của phần lớn hộ gia đình còn nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

#### **Xã Sơn Xuân, Huyện Sơn Hòa**

Phần lớn diện tích đất lâm nghiệp người dân trồng rừng sản xuất, loài cây trồng chủ yếu là cây keo lai, một số hộ gia đình tham gia sản xuất nông nghiệp như trồng mía, bắp, sắn và hoa màu ngắn ngày kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm.

#### **Xã Hòa Quang Bắc, Huyện Phú Hòa**

Diện tích người dân ở đây đang trồng rừng sản xuất với các loại cây rừng trồng chủ yếu trồng cây keo lai.

### **Xã Hòa Quang Nam, Huyện Phú Hòa**

Diện tích người dân ở đây đang trồng rừng sản xuất với các loại cây rừng trồng chủ yếu trồng keo lai.

### **Xã Hòa Hội, Huyện Phú Hòa**

Diện tích người dân ở đây đang trồng rừng sản xuất với các loại cây rừng trồng chủ yếu trồng cây keo lai

### **Xã Xuân Lâm, Thị xã Sông Cầu**

Diện tích người dân ở đây đang trồng rừng sản xuất với các loại cây rừng trồng chủ yếu trồng cây keo lai và sản xuất nương rẫy trên những khu vực gần kề với các loại hoa màu ngắn ngày.

Nhìn chung, lâm nghiệp địa phương có phát triển nhưng còn nhỏ lẻ, chưa tập trung. Chủ yếu là trồng và khai thác rừng keo lai để bán gỗ, củi,...

### **2.9. Hiện trạng tổ chức quản lý của Công ty Bảo Châu Phú Yên.**

Công ty Bảo Châu Phú Yên là Công ty thuộc tỉnh Phú Yên, thành lập ngày 03 tháng 06 năm 2003. Công ty Bảo Châu Phú Yên đầu tư trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh, trong đó lĩnh vực đầu tư được Công ty chú trọng là lâm nghiệp như trồng rừng, khai thác gỗ, chế biến gỗ.. Hiện tại bộ máy quản lý của Công ty gồm:

#### **Ban lãnh đạo Công ty:**

- Tổng Giám Đốc : Phụ trách chung.
- Phó Tổng giám đốc 1 : Phụ trách khối sản xuất & kinh doanh (các nhà máy sản xuất)
- Phó Tổng giám đốc 2 : Phụ trách khối kỹ thuật lâm sinh và dự án FSC
- Phó Tổng giám đốc 3: Phụ trách kinh doanh phía nam (văn phòng đại diện tại TP HCM)

#### **Các phòng, ban chức năng:**

- Phòng Tổ chức – Hành chính
- Phòng kế toán
- Phòng Kỹ thuật – lâm sinh
- Ban quản lý chứng chỉ rừng (Ban FSC)
- Ban quản lý bảo vệ rừng sản xuất

#### **Các đơn vị thành viên:**

- Xí nghiệp sản xuất lâm nghiệp – Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bảo Châu Phú Yên.

- Xí nghiệp Năng lượng xanh Bảo Châu Phú Yên – Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bảo Châu Phú Yên.

- Xí nghiệp Nguyên liệu gỗ Bảo Châu Phú Yên – Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bảo Châu Phú Yên.

- Văn phòng đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bảo Châu Phú Yên. Tại số 25 Hàn Thuyên, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

## 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ

Phương pháp định tính và định lượng đã được sử dụng trong quá trình thu thập số liệu và thông tin, kiểm tra ngoài hiện trường.

Nhóm đánh giá đã sử dụng các phương pháp tiếp cận khác nhau (dựa trên điều khoản tham chiếu của hợp đồng tư vấn giữa Công ty Bảo Châu Phú Yên và tư vấn) để thu thập các thông tin cần thiết, bao gồm:

- (i) Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp và rà soát lại các tài liệu có liên quan, bao gồm (i) Phương án quản lý rừng, (iii) kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, (ii) báo cáo thực hiện kế hoạch hàng năm, và (iii) các tài liệu khác có liên quan;
- (ii) Các cuộc họp tham vấn nhanh với cán bộ và công nhân Công ty, các thôn xóm;
- (iii) Phòng vấn nhanh các cá nhân và các bên có liên quan;
- (iv) Kiểm tra ngoài hiện trường;
- (v) Phân tích kết quả các cuộc họp, các kết quả và thông tin thu được trong quá trình phỏng vấn và kiểm tra ngoài hiện trường dựa trên chỉ dẫn của Bộ công cụ đánh giá HCVF của Việt Nam.

Các phương pháp và kỹ thuật cụ thể đã áp dụng bao gồm:

1. Bảng danh mục các thông tin thứ cấp cần thiết được gửi vào trước cho Công ty Bảo Châu Phú Yên để chuẩn bị sẵn cho đợt đánh giá (Phụ lục 2);

2. Giới thiệu cho các cán bộ của Công ty Bảo Châu Phú Yên mục đích của đợt đánh giá, các thông tin thiết yếu liên quan tới HCVF và Bộ Công cụ xác định HCVF của Việt Nam;

3. Chia thành viên đoàn đánh giá thành 2 nhóm: sinh thái và xã hội, gồm có chuyên gia tư vấn và cán bộ Công ty. Trên cơ sở các thông tin có sẵn, từng nhóm tiến hành thảo luận và quyết định kế hoạch chi tiết trong thời gian đánh giá như: địa bàn đi hiện trường, các đối tượng cần phỏng vấn, các hỗ trợ về thủ tục hành chính, phương tiện cần thiết, ...;

4. Nhóm sinh thái đồng thời tiến hành phỏng vấn dân địa phương/thợ săn vì thiếu các thông tin sẵn có về sinh thái và cũng tiến hành khảo sát đánh giá tại một số địa điểm trong rừng để kiểm chứng thêm thông tin. Còn nhóm xã hội chủ yếu làm việc với các đối tượng/bên liên quan tại địa phương thông qua phỏng vấn linh hoạt và bán định hướng. Các nội dung đánh giá (6 HCVs) được các nhóm thực hiện trên cơ sở vận dụng Bộ Công cụ xác định HCVF của Việt Nam;

5. Kết quả thu thập từ hiện trường thường được phân tích và kiểm chứng ngay sau mỗi chuyến đi hiện trường, có sử dụng các thông tin điều tra bổ sung của cán bộ Công ty, đặc biệt là các thông tin về kinh tế-xã hội do đoàn đánh giá không có đủ thời gian làm việc với UBND các xã;

6. Thông tin thu thập được giữa các nhóm được thống nhất với nhau để phục vụ cho viết báo cáo đánh giá.

### 3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

#### 3.1. Kết quả đánh giá theo từng giá trị

Trong thời gian 05 ngày (03-07/06/2017) tại Công ty Bảo Châu Phú Yên, đoàn đánh giá tiến hành xem xét tài liệu sẵn có và đánh giá nhanh ngoài hiện trường tập trung vào diện tích rừng trồng mà Bảo Châu đang quản lý là 1.690,78 ha, đồng thời trên cơ sở đó các nhân viên phụ trách chuyên môn của Công ty cũng đã có 05 ngày để điều tra, cập nhật tiếp các thông tin tại các hiện trường (ngày 05 đến ngày 10/05/2023) và kết quả đánh giá HCVF tại lâm phận của Công ty Bảo Châu Phú Yên của chúng tôi như sau : (điều tra trên tất cả các khu vực có diện tích tham gia duy trì chứng nhận FSC).

**HCV1: Những khu rừng có chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học của quốc gia, khu vực, và toàn cầu (chẳng hạn như các loài đặc hữu, các loài đang bị đe dọa).**

1.1: Các khu bảo vệ nghiêm ngặt, rừng đặc dụng:

*Khu rừng này có phải là một khu rừng đặc dụng hiện có hay đang đề xuất không?*

**Không.** Vì toàn bộ các diện tích rừng của Công ty Bảo Châu Phú Yên là rừng trồng, được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận QSDĐ là rừng sản xuất nên không mang các đặc tính hay đề xuất như trên. Công ty chỉ chuyên mảng lâm nghiệp với chức năng và nhiệm vụ gồm trồng rừng, chăm sóc rừng và khai thác rừng. Rừng trồng trên đất rừng sản xuất.

*Khu rừng này có liền kề với một khu rừng đặc dụng hoặc nằm trong vùng đệm?*

**Không.** Diện tích rừng trồng của Công ty không nằm liền kề hoặc nằm trong vùng đệm với bất cứ khu rừng đặc dụng nào, xung quanh liền kề chỉ là rừng sản xuất nhỏ lẻ của các hộ dân sinh sống trên địa bàn.

*Khu rừng này có gần khu rừng đặc dụng nào không?*

**Không.** Tất cả những diện tích rừng trồng của Công ty đều không nằm gần hay liền kề với khu rừng đặc dụng.

*Khu rừng này có đặc điểm tương tự như khu rừng đặc dụng?*

**Không.** Toàn bộ diện tích rừng mà Công ty sở hữu là rừng trồng nên không còn đặc điểm như rừng tự nhiên nữa.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

1.2: Các loài bị đe dọa và nguy cấp:

*Có nhiều loài được liệt kê trong danh sách các loài đang nguy cấp (E), sẽ nguy cấp (V) hoặc hiếm (R) trong sách đỏ Việt Nam 2000 được ghi nhận trong khu rừng này?*

**Không.** Qua phỏng vấn nhanh các cán bộ làm công tác QLTVR tại các khu vực rừng họ phụ trách quản lý cho Công ty và các hộ dân sống trên địa bàn các khu vực có rừng của Công ty, kết hợp với quá trình điều tra khảo sát để cập nhật báo cáo hàng năm mà Tổ FSC của Công ty thực hiện thì không bắt gặp bất kỳ loài sinh vật nào được xác định là bị đe dọa và nguy cấp (theo Sách đỏ Việt Nam năm 2000 và Nghị định số 06/2019/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP) trong các diện tích rừng trồng của Công ty tham gia chứng nhận FSC đợt này. Chỉ thỉnh thoảng gặp một số loài động vật thông thường

như bò sát có các loại rắn rồng, rắn ráo, tắc kè, các loại sóc đất, sóc nâu, .. cụ thể xem phụ lục 5.

*Có nhiều loài liệt kê trong danh sách những loài sẽ nguy cấp, nguy cấp hay cực kỳ nguy cấp trong sách đỏ của IUCN được tìm thấy trong khu rừng này?*

**Không.** Như đã nói ở trên, rừng trồng của Công ty không cho thấy sự tồn tại nhiều các loài sẽ nguy cấp, nguy cấp hay cực kỳ nguy cấp như IUCN hay sách đỏ Việt Nam. Chỉ có thỉnh thoảng bắt gặp các loài rắn như: rắn hổ mang (*Naja siamensis*), rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*) do người dân canh tác rừng lân cận thỉnh thoảng bắt gặp ở các khu rừng trồng giáp những mảnh rừng tự nhiên ít ỏi còn sót lại (xem phụ lục 5).

*Có một quần thể của một loài cực kỳ nguy cấp trong sách đỏ IUCN trong khu rừng này?*

**Không.** Không có quần thể cực kỳ nguy cấp nào được xác định trong khu vực rừng trồng của Công ty.

*Tại thời điểm này, khu rừng có được đánh giá là có tầm quan trọng đa dạng sinh học?*

**Không.** Từ trước đến nay tất cả các diện tích rừng trồng của Công ty Bảo Châu được các cấp có thẩm quyền cấp, phê duyệt cũng như các diện tích rừng tham gia chứng nhận đợt này đều là rừng sản xuất, trồng lại trên hiện trạng đất trống đồi núi trọc, và cũng chưa có bất kỳ báo cáo nào cho thấy có hiện diện sự đa dạng sinh học trên các lâm phần rừng của Công ty. Chưa có báo cáo chuyên môn nào chỉ ra rằng khu vực rừng trồng này có tầm quan trọng về đa dạng sinh học.

*Khu rừng này có nằm trong khu vực trước đây được đánh giá là có tầm quan trọng đa dạng sinh học?*

**Không.** Tính cả trước đây và cho đến thời điểm hiện nay, chưa có báo cáo chuyên môn nào chỉ ra rằng khu vực rừng trồng này nằm trong khu vực trước đây được đánh giá là có tầm quan trọng đa dạng sinh học.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

1.3: Loài đặc hữu:

*Khu rừng này có được xem là còn trong điều kiện tốt không?*

**Không.** Đây là rừng trồng vì vậy không còn tính chất giống rừng tự nhiên.

*Khu rừng này có một loài đặc hữu hay bán đặc hữu được ghi nhận ở đây không?*

**Không.** Chưa có báo cáo điều tra đa dạng sinh học nào được thực hiện từ trước cho đến nay trên tất cả các khu vực rừng trồng của Công ty. Qua phỏng vấn nhanh cán bộ QLBR của Công ty và người dân địa phương, nhóm đánh giá không ghi nhận được thông tin về loài đặc hữu hoặc bán đặc hữu nào còn phân bố tự nhiên trên các khu vực này.

*Khu rừng này có nằm trong khu vực trước đây đã xác định là có tính đặc hữu cao không?*

**Không.** Chưa có báo cáo chuyên môn nào ghi nhận khu vực này có tính đặc hữu cao.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

1.4: Công dụng quan trọng mang tính tạm thời:

*Có các nguồn thức ăn/mỏ muối/ khu đất ngập nước/các quần thể di cư hiện hữu tại khu rừng này vào một số thời điểm hay thời gian nào không?*

**Không.** Không có khu vực nào như vậy vì toàn bộ diện tích rừng trồng của Công ty trên tất cả các khu vực đều được trồng lại trên những diện tích đất trống đồi núi trọc. Và đến hiện tại chỉ đơn thuần là những dện tích rừng trồng thuần chủng. Chưa có bất kỳ Báo cáo hay nghiên cứu nào mang tnhs chất như trên trên tất cả diện tích rừng do Công ty quản lý.

*Có phải là nguồn đặc biệt cần thiết cho sự sinh tồn của quần thể hay quần xã sinh học không?*

**Không.** Vì đơn thuần chỉ là rừng trồng qua nhiều năm, nhiều chu kỳ nên không còn tính chất giống như rừng tự nhiên.

*Khu vực này có phải là khu RAMSAR thực tế hoặc tiềm năng hay không?*

**Không.** Đây hoàn toàn không phải là khu RAMSAR thực tế hoặc tiềm năng nào cả.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

**HVC2: Những khu rừng bao gồm cảnh quan quy mô lớn cấp quốc gia, khu vực hoặc cấp toàn cầu, chứa đựng trong nó, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần thể có thể tồn tại của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài tồn tại trong những kiểu phân bố và đa dạng trong tự nhiên.**

*2.1: Khu rừng này có phải là một phần của dải rừng liên tục không?*

**Không.** Vì tất cả các diện tích rừng trồng của Công ty Bảo Châu Phú Yên đều nằm trên các vùng riêng lẻ, và được hình thành trên đất trống đồi núi trọc. Với nhiều địa điểm, khu vực khác nhau (xem bản đồ ở Phụ lục 5).

*2.2: Có phải toàn bộ những khoảnh rừng này còn đang trong điều kiện gần như tự nhiên chưa bị tác động không?*

**Không.** Như đề cập ở trên, vì tất cả ở đây đều là rừng trồng qua nhiều năm, nhiều chu kỳ nên không còn tính chất giống như rừng tự nhiên.

*2.3: Toàn bộ diện tích rừng quản lý có diện tích rộng hơn 10.000 ha?*

**Không.** Tổng diện tích rừng trồng Công ty quản lý và tham gia đánh giá FSC lần này 1.690,78 ha phân bố trên 4 khu vực là Kiêu Kiêu – Sơn Hòa, Hậu Sơn – Xuân Lâm, Dự án Hòa Quang Bắc và Dự án Phú Hòa.

*2.4: Có một quần thể loài trọng yếu sinh sống hay không?*

**Không.** Như đã đề cập ở những phần trên, đây là rừng trồng mới phát triển trên đất trống đồi núi trọc từ 2015, vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

**HCV3: Những khu rừng có chứa đựng hoặc bao gồm những hệ sinh thái hiếm có, đang bị đe dọa và nguy cấp.**

3.1: Có tìm thấy một trong những kiểu rừng trong danh sách hệ sinh thái quý hiếm (Phụ lục 7) tại khu rừng này?

**Không.** Như đã đề cập ở những phần trên, đây là rừng trồng đây là rừng trồng mới phát triển trên đất trống đồi núi trọc từ 2012, vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

**HCV4: Rừng cung cấp các dịch vụ tự nhiên cơ bản trong những trường hợp quan trọng.**

4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thủy lợi và thủy điện.

*Có tiểu khu hay lâm phần nào được xác định là rừng phòng hộ không?*

**Không.** Toàn bộ diện tích rừng trồng và đất rừng của Công ty được giao đều có nguồn gốc từ đất trống đồi núi trọc và thuộc chức năng rừng sản xuất.

*Có một ngôi làng hoặc một cộng đồng sử dụng trên 90% nước để ăn/uống, sử dụng cho hộ gia đình và tưới tiêu từ một nguồn duy nhất, hoặc một số nguồn trong khu rừng?*

**Không.** Tất cả những diện tích rừng và đất rừng của Công ty đều nằm khá xa khu dân cư, không có người dân sinh sống gần khu vực. Người dân địa phương trên tất cả các vùng có rừng của Công ty chỉ sử dụng nước từ giếng khoan hoặc nước máy để sinh hoạt.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng hộ xói lở đất, lũ lụt và lắng đọng trầm tích.

*Loại đất này nằm xung quanh một ngôi làng hoặc một khu định cư tự nhiên dễ bị xói lở?*

**Không.** Như đã nói ở trên, tất cả những diện tích rừng của Công ty đều nằm xa khu dân cư, địa hình đất do Công ty quản lý có độ dốc thấp, nên không có những yếu tố như trên.

4.3: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sống tại khu vực

**Không.** Vì là rừng trồng nên có ít vai trò trong việc bảo vệ môi trường sống cho cộng đồng trong khu vực.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

**HCV 5: Khu rừng đóng vai trò nền tảng trong việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương.**

5.1: Có những cộng đồng sinh sống trong hoặc gần một khu rừng?

**Không.** Vì đa số những diện tích rừng trồng của Công ty nằm khá xa và tách biệt với các vùng dân cư sinh sống, nên không có cộng đồng nào sống gần bên hoặc trong lâm phần rừng Công ty quản lý.

5.2: Những cộng đồng có sử dụng rừng đáp ứng các nhu cầu cơ bản<sup>1</sup>?

**Không.** Rừng trồng Công ty không có ý nghĩa đáp ứng nhu cầu cơ bản như thực phẩm, thuốc, vật liệu xây dựng, và thu nhập cho người dân. Các hộ dân ở khá xa chỉ có thể tận thu chút ít các loại lâm sản ngoài gỗ khác như nấm, măng theo mùa.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

**HCV 6: Các diện tích rừng đóng vai trò quan trọng đối với bản sắc văn hoá truyền thống của các cộng đồng địa phương (các khu vực có ý nghĩa văn hoá, sinh thái, kinh tế hay tôn giáo được xác định với sự hợp tác của các cộng đồng địa phương đó).**

6.1: Có cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng?

**Không.** Như đã nói trên, rừng Công ty đa phần là xa khu dân cư nên không có cộng đồng dân cư nào sinh sống trong lâm phần Công ty quản lý.

6.2: Những cộng đồng có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ?

**Không.** Vì tất cả chỉ là rừng trồng thuần loài, nên không còn những nét hay đặc điểm riêng như tự nhiên để phục vụ cho mục đích nhận dạng văn hóa.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

### 3.2. Tổng hợp các giá trị bảo tồn cao của Công ty Bảo Châu Phú Yên

Kết quả đánh giá các HCVPs tại Công ty Bảo Châu Phú Yên, có thể đưa ra các ý kiến tổng hợp như sau (Bảng 8).

**Bảng 8. Tóm tắt HCVPs tại Công ty Bảo Châu Phú Yên**

Giá trị	Kết quả đánh giá
<b><i>HCV1: Tập trung các giá trị đa dạng sinh học</i></b>	<b><i>KHÔNG HIỆN HỮU</i></b>
1.1: Các khu bảo vệ	Không hiện hữu
1.2: Các loài bị đe dọa và nguy cấp	Không hiện hữu
1.3: Loài đặc hữu	Không hiện hữu
<b><i>HCV2: Rừng cấp cảnh quan</i></b>	<b><i>KHÔNG HIỆN HỮU</i></b>
2.1: Dải rừng liên tục	Không hiện hữu
2.2: Điều kiện rừng còn gần tự nhiên	Không hiện hữu
2.3: Diện tích rộng hơn 10.000 ha	Không hiện hữu
2.4: Quần thể loài trọng yếu	Không hiện hữu

<sup>1</sup> "**Nhu cầu cơ bản**" là những yêu cầu đòi hỏi cho sự sống của cá nhân hay tập thể về mặt kinh tế hoặc tâm sinh lý.

<b>Giá trị</b>	<b>Kết quả đánh giá</b>
<b><i>HCV3: Các kiểu rừng bị đe dọa</i></b>	<b><i>KHÔNG HIỆN HỮU</i></b>
3.1: Hệ sinh thái hiếm	Không hiện hữu
3.2: Hiện còn trong điều kiện tốt	Không hiện hữu
<b><i>HCV4: Dịch vụ của tự nhiên</i></b>	<b><i>KHÔNG HIỆN HỮU</i></b>
4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thủy lợi và thủy điện	Không hiện hữu
4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng hộ xói lở đất, lũ lụt và lắng đọng trầm tích	Không hiện hữu
4.3: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sống tại khu vực	Không hiện hữu
<b><i>HCV5: Nhu cầu cơ bản</i></b>	<b><i>KHÔNG HIỆN HỮU</i></b>
5.1: Có những cộng đồng sinh sống trong hoặc gần một khu rừng?	Không hiện hữu
5.2: Những cộng đồng sử dụng rừng đáp ứng các nhu cầu cơ bản	Không hiện hữu
5.3: Những nhu cầu cơ bản là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương?	Không hiện hữu
<b><i>HCV6: Nhận diện văn hoá</i></b>	<b><i>KHÔNG HIỆN HỮU</i></b>
6.1: Có cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng?	không hiện hữu
6.2: Những cộng đồng có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ?	Không hiện hữu
6.3: Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa không?	Không hiện hữu

## **4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **4.1. Kết luận**

- Tất cả những diện tích rừng của Công ty tham gia chứng nhận đợt này đều là rừng trồng (giai đoạn 2013-2019) có những diện tích đã khai thác và trồng lại (Rừng Kiêu Kiêu – Sơn Hòa) nên rừng và đất rừng không có những đặc điểm tương tự như rừng tự nhiên. Không có các loài động thực vật quý hiếm xuất hiện trên các diện tích rừng trồng do Công ty quản lý.

- Trên một số khu vực rừng trồng và đất lâm nghiệp do Công ty quản lý còn có những diện tích rừng tái sinh tự nhiên liền kề có chức năng sản xuất, gần các diện tích rừng trồng của Công ty (như rừng do bộ đội quản lý)

- Không có cộng đồng người địa phương sống bên trong diện tích rừng trồng Công ty quản lý. nên các yếu tố về văn hoá truyền thống là không có.

- Tất cả những diện tích rừng trồng của Công ty nằm trên địa bàn tương đối bằng phẳng, một số khu vực có địa hình tương đối dốc, nên ngoài yếu tố là rừng sản xuất rừng trồng ở đây có chút ít vai trò phòng hộ cục bộ, tuy nhiên điều này không đáng kể.

- Rừng trồng không có ý nghĩa cung cấp nhu cầu cơ bản cho đời sống của cộng đồng địa phương và cũng không có ý nghĩa về văn hóa.

### **4.2. Khuyến nghị**

- Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên cần cập nhật trên bản đồ thể hiện các khu vực vùng đệm dọc các suối để tái sinh tự nhiên và trồng thêm cây bản địa.

- Hạn chế việc đốt, xử lý thực bì theo kiểu toàn diện sau khai thác. Có thể thay thế bằng phương pháp đốt cục bộ (gom theo hàng) và đốt có kiểm soát để không làm hại đến các loài động vật và thảm thực vật.

- Hạn chế sử dụng thuốc diệt cỏ và chỉ sử dụng các loại thuốc trong danh mục cho phép trong quá trình dọn thực bì và chăm sóc cây.

- Khi nào Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên được giao thêm đất và rừng, nếu muốn đưa diện tích này vào làm chứng chỉ thì cần có đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao bổ sung cho những diện tích mới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

BirdLife International and FIPI (2001). *Sourcebook of existing and proposed protected areas in Vietnam*. BirdLife International Vietnam Program and FIPI. Hanoi, Vietnam.

Gilmour, D., Nguyen Van San (1999). Buffer zone management in Vietnam. IUCN Vietnam Publication.

Gilmour, D., Nguyen Van San and Xiong Tsechalicha (2000). Rehabilitation of Degraded Forest Ecosystems in Cambodia, Lao PDR, Thai Land and Vietnam. Conservation Issue in Asia. IUCN The World Conservation Union. 70 pages.

Ingles, A. W., Musch, A. & Quist-Hoffmann (1999). The participatory process for supporting collaborative management of natural resources: An overview. FAO, Rome.

Edward Pollar và cộng sự. (2005). Đánh giá sơ bộ về rừng có giá trị bảo tồn cao tại Lâm trường Hà Nừng. WWF Chương trình Đông Dương. Hà Nội.

FSC (2004). FSC Principles and Criteria for Forest Stewardship. Forest Stewardship Council, Berlin, Germany.

Giessmann, T. Nguyen Xuan Dang, N Lormee & F. Momberg (2000). Vietnam Primate Status Review 2000. Part 1. Gibbons. Fauna & Flora International, Indochina Program, Hanoi.

Lê Thiện Đức và Hồ Văn Cử (2006) Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao tại Lâm trường Trường Sơn- Công ty lâm công nghiệp Long Đại, tỉnh Quảng Bình. TFT- Chương trình Đông Dương. Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Bảo Châu Phú Yên (2015). Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2015-2022. Khối Nông lâm. Công ty cổ phần SX-XD-TM & NN Bảo Châu.

Nader, T. F. Momberg, Nguyen Xuan Dang & N Lormee (2003). Vietnam Primate Status Review 2002. Part 2. Leaf Monkeys. Fauna & Flora International, Vietnam Program, and Frankfurt Zoological Society, Hanoi.

Nguyễn Nghĩa Biên, Lê Thiện Đức và Hồ Văn Cử (2006) Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao tại Ban quản lý rừng phòng hộ thủy điện A Vương, tỉnh Quảng Nam. WWF- Chương trình Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

Nguyễn Nghĩa Biên, Lê Thiện Đức và Hồ Văn Cử (2006) Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao tại Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Kôn, tỉnh Quảng Nam. WWF- Chương trình Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

Nguyễn Văn Sản, Lê Thiện Đức, Mai Kỳ Vinh và Lê Khắc Côi (2006) Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao tại Lâm trường Sông Kôn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. WWF- Chương trình Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

Hoàng Minh Đức và cộng sự (2013) Khu hệ Động vật rừng tỉnh Phú Yên. Viện sinh thái học Miền Nam.

WWF – Chương trình Việt Nam (2008) Bộ công cụ xác định Rừng có giá trị bảo tồn cao ở Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

## PHỤ LỤC

### **Phụ lục 1. Điều khoản tham chiếu về đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao cho tư vấn**

#### **1. Bối cảnh:**

Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên (sau đây sẽ được gọi tắt là Công ty Bảo Châu Phú Yên) là Công ty thuộc tỉnh Phú Yên, thành lập ngày 03 tháng 06 năm 2003. Công ty Bảo Châu Phú Yên đầu tư trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh, trong đó lĩnh vực đầu tư được Công ty chú trọng là lâm nghiệp như trồng rừng, khai thác gỗ, chế biến gỗ.

Công ty Bảo Châu Phú Yên đang quản lý một diện tích rừng trồng khá lớn tại tỉnh Phú Yên. Với chiến lược phát triển mang tính bền vững, Công ty Bảo Châu Phú Yên đã và đang hướng đến quá trình thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững nhằm tiến tới việc duy trì được chứng chỉ rừng FSC.

Khái niệm về Rừng có giá trị bảo tồn cao được hình thành ban đầu trong bối cảnh chứng chỉ rừng. Nguyên tắc 9 trong số các nguyên tắc và tiêu chí cấp chứng chỉ rừng của Hội đồng Quản trị Rừng Thế giới được dùng để nhận biết riêng các loại rừng có giá trị bảo tồn cao và cần được bảo vệ đặc biệt do một hoặc một số đặc trưng có liên quan đến thuộc tính của hệ sinh thái, các dịch vụ môi trường và các giá trị xã hội của chúng.

#### **2. Mục đích:**

Tiến hành đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVFs) trên diện tích lâm phận Công ty Bảo Châu Phú Yên quản lý để xác định các giá trị bảo tồn cao (nếu có). Nếu báo cáo dù chỉ có một giá trị bảo tồn cao thì Công ty Bảo Châu Phú Yên cần phải có các biện pháp quản lý nhằm duy trì hoặc tăng cường công tác để quản lý bảo vệ và duy trì những thuộc tính bảo tồn đó.

#### **3. Nhiệm vụ của những người tham gia điều tra đánh giá lần này:**

- Xây dựng một bảng câu hỏi cho các phỏng vấn khác nhau, tiến hành các cuộc phỏng vấn, tham vấn cộng đồng địa phương và các bên liên quan trong khu vực
- Thu thập và phân tích các số liệu về đa dạng sinh học (thành phần loại động thực vật quý hiếm)
- Tập hợp, phân tích, xử lý các số liệu từ các nhóm điều tra về sinh thái và xã hội
- Sử dụng phương pháp chuyên gia để phân tích đánh giá các khu rừng có giá trị cao (HCVs) theo nguyên tắc 9 của tiêu chuẩn FSC FM:
  - HCV 1; Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu (ví dụ: các loài đặc hữu, bị đe dọa, loài di trú)
  - HCV 2: Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, nằm trong, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần xã của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại trong những mẫu chuẩn tự nhiên.

- HCV 3: Rừng thuộc về hoặc bao gồm những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp
- HCV 4: Rừng cung cấp những dịch vụ tự nhiên cơ bản trong những tình huống quan trọng (ví dụ: phòng hộ đầu nguồn, kiểm soát xói mòn)
- HCV 5. Rừng đóng vai trò nền tảng trong việc đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ sinh kế, sức khỏe)
- HCV 6: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được nhận biết qua hợp tác với các cộng đồng địa phương đó)

- Xác định vị trí, diện tích, ranh giới trên thực địa và bản đồ các khu rừng nếu xác định có và tồn tại các giá trị bảo tồn cao.

#### **4. Yêu cầu đối với nhóm điều tra đánh giá:**

- Đối với chuyên gia sinh thái học: Tốt nghiệp ngành sinh học, sinh thái học, lâm nghiệp

- Đối với chuyên gia xã hội học: Tốt nghiệp chuyên ngành xã hội học, lâm nghiệp xã hội

- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong việc đánh giá đa dạng sinh học và xã hội học

- Hiểu biết về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng FSC đặc biệt là biết về khái niệm rừng có giá trị bảo tồn cao

#### **Phụ lục 2. Bảng danh mục các thông tin thứ cấp cần thiết được thu thập tại Công ty Bảo Châu Phú Yên**

##### **1. Thông tin về các giá trị sinh thái:**

- Chức năng, nhiệm vụ và tầm quan trọng của Công ty
- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty
- Phương án quản lý rừng giai đoạn mới nhất
- Bản đồ: Bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỉ lệ 1:10.000
- Số liệu về trữ lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ, danh sách về các loài gỗ và lâm sản ngoài gỗ đã khai thác
- Số liệu về độ che phủ của rừng
- Số liệu về vùng đệm suối

##### **2. Thông tin về các giá trị xã hội:**

(phần thông tin này cần có bản đồ tự nhiên/hành chính của khu vực)

###### *a. Điều kiện tự nhiên*

- Vị trí địa lý
- Địa hình

- Thổ nhưỡng
- Khí hậu, thủy văn
- Cơ cấu đất đai

*b. Điều kiện kinh tế - xã hội*

- Dân cư:
  - + Các nhóm dân tộc, dân số (số lượng, %)
  - + Địa bàn định cư (các cụm dân cư chính)
  - + Phong tục, tập quán, lễ hội
  - + Thành phần dân số theo: các nhóm dân tộc, độ tuổi
  - + Tỷ lệ tăng dân số chung và của từng nhóm dân tộc
  - + Tình hình di dân
  - + Các hoạt động sinh kế chính
  - + Tình trạng thất nghiệp và công ăn việc làm
- Hạ tầng cơ sở: đường xá, cầu cống, trường học, bệnh xá
- Các hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn
- Tình hình thu nhập, các nguồn thu nhập chính, mức sống của người dân tại địa phương
- Hồ thủy điện: công suất, tác động môi trường, xã hội

*c. Các bên liên quan*

- Các nguồn lợi chủ yếu từ rừng
- Những ai là các bên liên quan (đối tượng hưởng lợi) chính trong quản lý bảo vệ rừng?

*d. Tài nguyên rừng*

- Phân loại rừng và đất rừng theo tiểu khu, diện tích, loại rừng, kiểu rừng, trạng thái rừng, trữ lượng rừng, chủ thể quản lý, ...

*e. Quản lý và bảo vệ rừng*

- Tổ chức công tác quản lý bảo vệ rừng tại địa bàn
- Các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên rừng truyền thống tại địa phương: khai thác gỗ củi, thu hái, săn bắt, ...
- Tình trạng vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng:
  - + Các hình thức vi phạm: xâm lấn đất đai, đốt nương rẫy, khai thác trái phép, săn bắt động vật hoang dã, ...
  - + Số vụ việc vi phạm trong những năm gần đây
- Những vấn đề nổi cộm, những khó khăn, bất cập trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

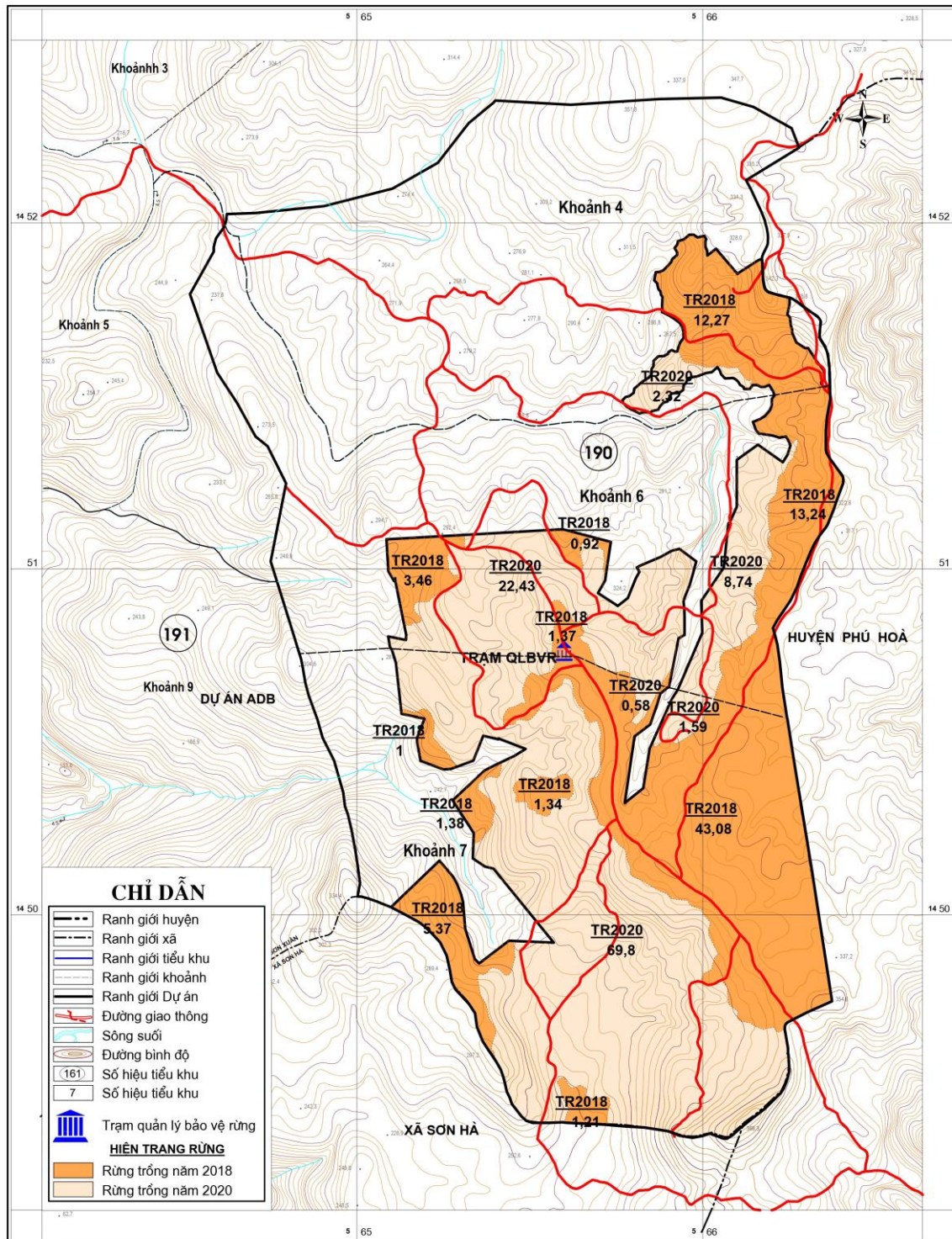
### **Phụ lục 3. Chương trình đánh giá HCVPs tại Công ty Bảo Châu Phú Yên**

#### **Thành phần đánh giá HCVPs tại Công ty Bảo Châu Phú Yên:**

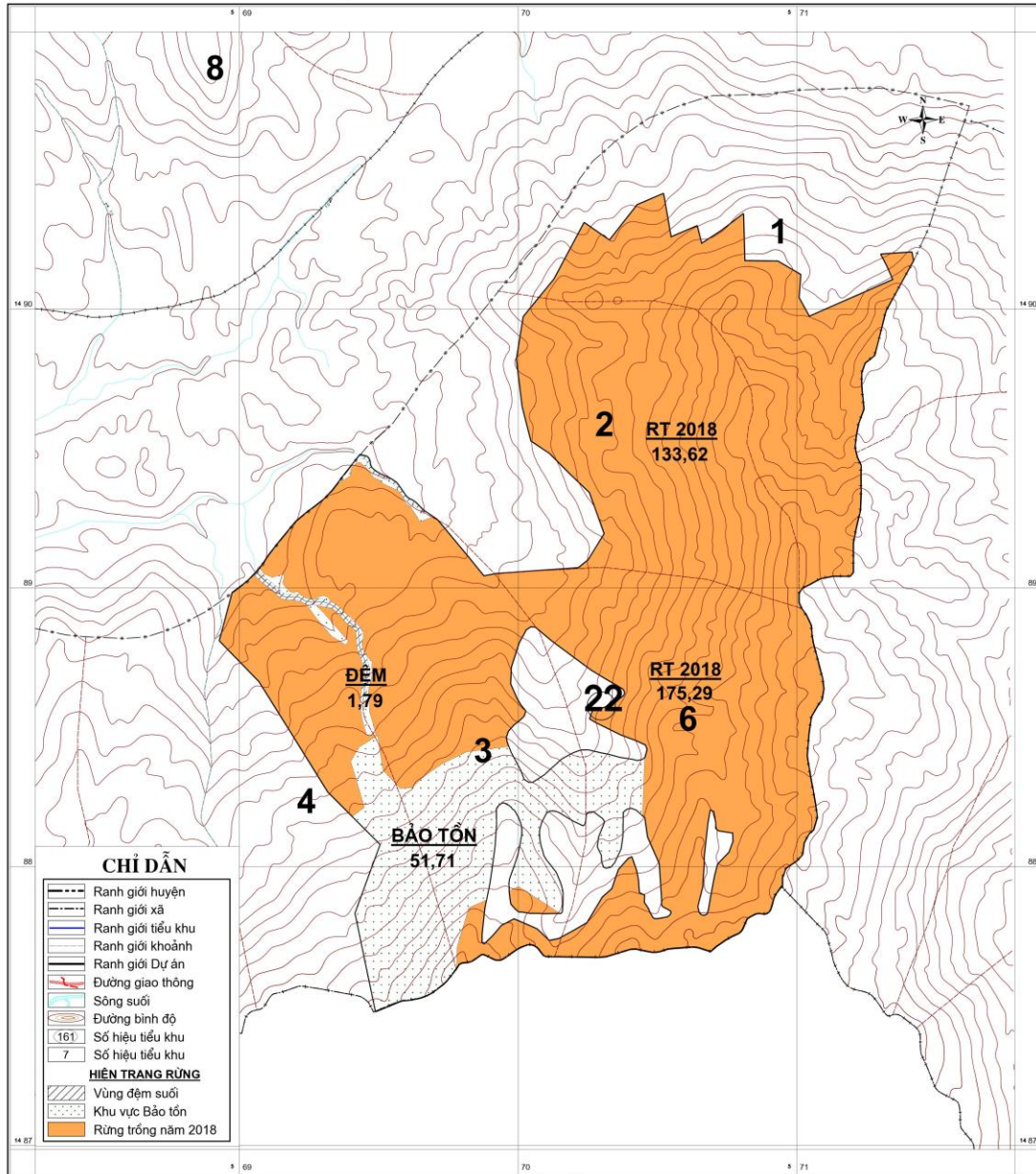
1. Lê Trọng Đạt – Tư vấn độc lập, chuyên gia HCVP
2. Dương Tử Hảo – Công ty Bảo Châu Phú Yên, thành viên
3. Lê Hữu Anh Tuấn – Công ty Bảo Châu Phú Yên, thành viên
4. Trần Văn Hoá – Công ty Bảo Châu Phú Yên, thành viên

## Phụ lục 4. Các bản đồ rừng trồng (4 khu vực) của Công ty Bảo Châu Phú Yên

**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG DỰ ÁN KIỂU KIỂU**  
**ĐỊA ĐIỂM: TIỂU KHU 190 XÃ SƠN XUÂN, HUYỆN SƠN HÒA**  
**DIỆN TÍCH: 190,1 HA TRONG ĐÓ (RỪNG TRỒNG NĂM 2018: 84,64 HA; RỪNG TRỒNG NĂM 2020: 105,46 HA)**  
**ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH MTV BẢO CHÂU PHÚ YÊN**



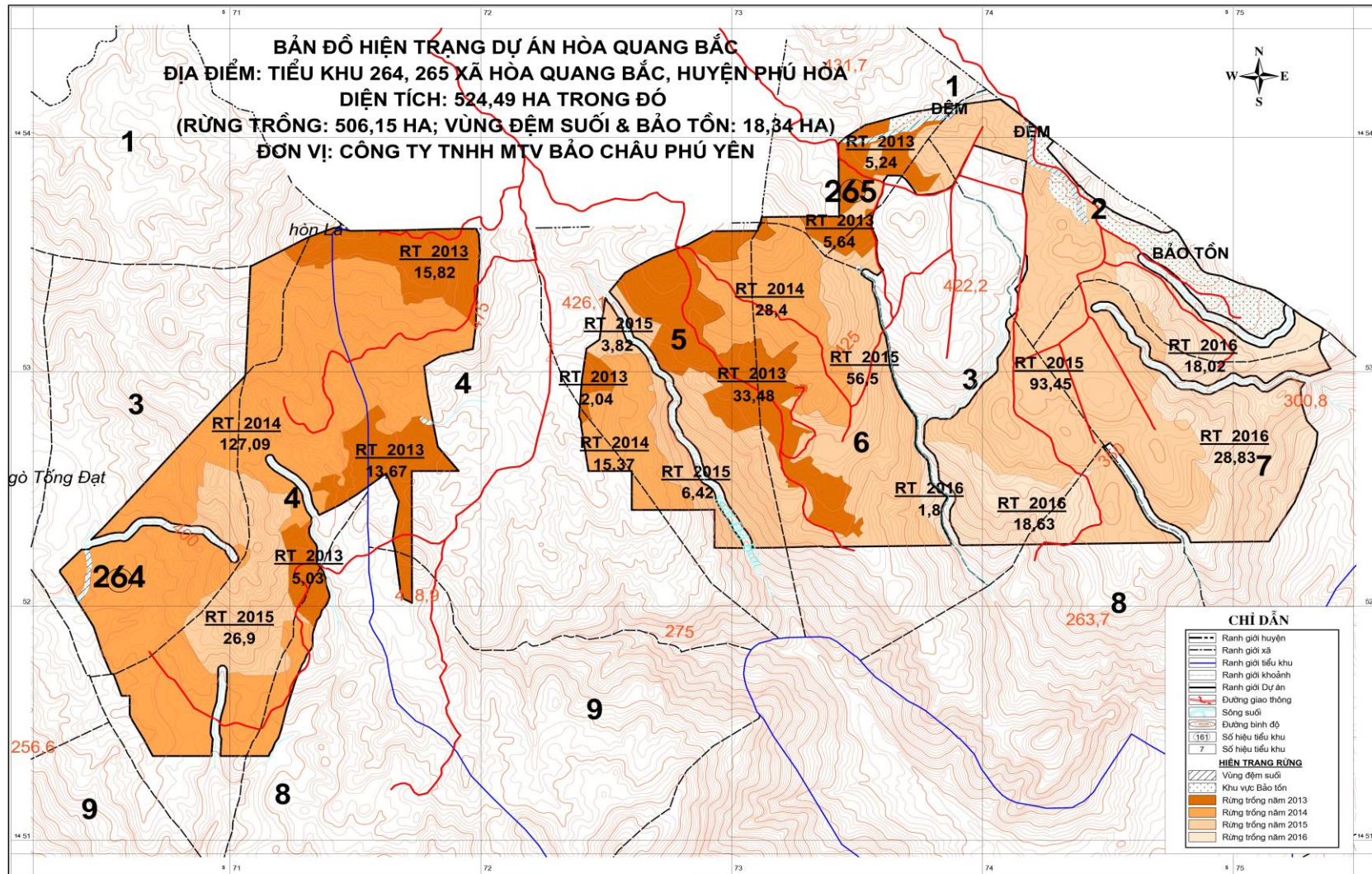
**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG DỰ ÁN SÔNG CẦU**  
**ĐỊA ĐIỂM: XÃ XUÂN LÂM, THỊ XÃ SÔNG CẦU**  
**DIỆN TÍCH: 362,41 HA TRONG ĐÓ**  
**(RỪNG TRỒNG: 308,91 HA; VÙNG ĐỆM SUỐI & BẢO TỒN: 53,5 HA)**  
**ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH MTV BẢO CHÂU PHÚ YÊN**



Nguồn tài liệu: Bản đồ được xây dựng từ giải đoán ảnh vệ tinh Spotif, Spot7, VNREDSAT năm 2015  
 Tài liệu tham khảo: Atlas địa chính xã Xuân Lâm, tỉnh Phú Yên số 1/15/000  
 Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108 độ 5 phút, múi 3 độ

**TỶ LỆ 1:10.000**  
 1cm trên bản đồ bằng 100m ngoài thực tế

Cơ quan xây dựng bản đồ: Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên  
 Hoàn thành: tháng 01 năm 2023

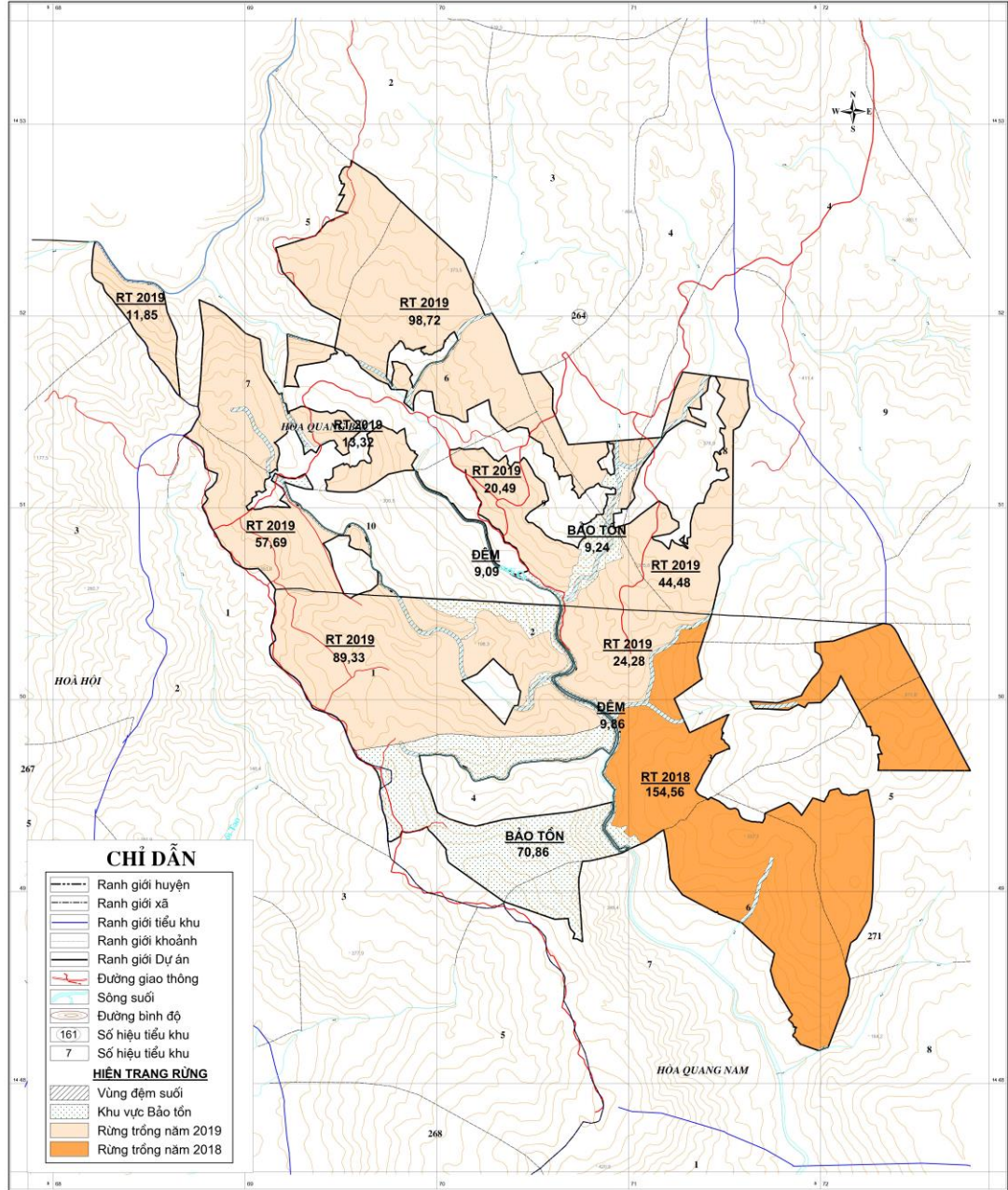


Nguồn tài liệu: - Bản đồ được xây dựng từ giải đoán ảnh vệ tinh Spot6, Spot7, VNREDSAT năm 2015  
 Trên nền bản đồ địa chính cơ sở tỉnh Phú Yên tỷ lệ 1/10.000  
 Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108 độ 5 phút, múi 3 độ

TỶ LỆ 1:10.000  
 1 cm trên bản đồ bằng 100m ngoài thực địa

Cơ quan xây dựng bản đồ: Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên  
 Hoàn thành: tháng 01 năm 2023

**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG DỰ ÁN PHÚ HÒA**  
**ĐỊA ĐIỂM: XÃ HÒA QUANG BẮC, XÃ HÒA QUANG NAM HUYỆN PHÚ HÒA**  
**DIỆN TÍCH: 613,78 HA TRONG ĐÓ**  
**(RỪNG TRỒNG: 514,72 HA; VÙNG ĐỆM SUỐI & BẢO TỒN: 99,06 HA)**  
**ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH MTV BẢO CHẤU PHÚ YÊN**



Nguồn tài liệu: - Bản đồ được xây dựng từ giải đoán ảnh vệ tinh Spot6, Spot7, VNREDSAT năm 2015  
 Trên nền bản đồ địa chính cơ sở tỉnh Phú Yên tỷ lệ 1:110.000  
 Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108 độ 5 phút, múi 3 độ

TỶ LỆ: 1:100.000  
 1 cm trên bản đồ bằng 100m ngoài thực địa

Cơ quan xây dựng bản đồ: Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên  
 Hoàn thành: tháng 01 năm 2023

**Phụ lục 5. Một số loài động thực vật nguy cấp có thể gặp trên những diện tích rừng và đất rừng của Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên.**

Phòng vấn với người dân địa phương và cán bộ quản lý bảo vệ rừng, chúng tôi sơ bộ đưa ra danh sách một số loài động thực vật có thể và đang tồn tại như bảng sau:

Tên Latin	Tên thường gọi	Hiện trạng ghi nhận	Tình trạng bảo tồn/bảo vệ		
			Sách đỏ Việt Nam 2007	IUCN 2013	Nghị định số 84/2021(sửa đổi bổ sung ND 06/2019)
<b>1. Thú nhỏ</b>					
<i>Callosciurus erythraeus</i>	Sóc bông	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa			
<i>Hylopetes sp.</i>	Sóc nâu	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa			
<i>Rattus sp.</i>	Chuột	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Hòa Quang Bắc – Phú Hòa			
<b>2. Bò sát</b>					
<i>Naja siamensis</i>	Rắn hổ mang	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa,			
<i>Ophiophagus hannah</i>	Rắn hổ chúa	Rừng thuộc QLBV của bộ đội gần khu vực Kiêu Kiêu	CR	VU	IB
<i>Ptyas korros</i>	Rắn ráo thường	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa			
<i>Bungarus fasciatus</i>	Rắn cạp nong	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa			
<i>Bungarus candidus</i>	Rắn cạp nia	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa			
<i>Calloselasma rhodostoma</i>	Rắn chàm quạp	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa			
<i>Coelognathus radiatus</i>	Rắn sọc dưa	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa.			

Tên Latin	Tên thường gọi	Hiện trạng ghi nhận	Tình trạng bảo tồn/bảo vệ		
			Sách đỏ Việt Nam 2007	IUCN 2013	Nghị định số 84/2021(sửa đổi bổ sung ND 06/2019)
<i>Dasia olivase</i>	Thần lằn	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa			
<i>Gekko gekko</i>	Tắc kè	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa			
<b>3. Chim</b>					
<i>Pycnonotus sp.</i>	Chào mào	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa,			
<i>Streptopelia chinensis</i>	Cu gáy	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa.			
<i>Crypsirina temia</i>	Chim khách	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa.			
<i>Garrulax perspicillatus</i>	Bồ chao	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa, Hòa Quang Bắc.			
<i>Iole propinqua</i>	Cành cạch	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa.			
<i>Gallus gallus</i>	Gà rừng	Khu vực Kiêu Kiêu, Hậu Sơn, Phú Hòa			
<b>4. Thực vật</b>					
<i>Irvingia malayana</i>	Kơ nia	Rừng thuộc QL BV của bộ đội gần khu vực Kiêu Kiêu			
SP	Thành ngạnh	Rừng kiêu kiêu, Phú Hòa, Sông cầu			

**Ghi chú:** CR: Cực kỳ nguy cấp; EN: Nguy cấp; VU: Sẽ nguy cấp; LR-NT: Ít nguy cấp; DD: Thiếu số liệu; N/E: Chưa đánh giá.

E: Đang nguy cấp; V: Sẽ nguy cấp; R: Hiếm; K: Biết không chính xác.

I: Nhóm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; II: Nhóm hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

**Phụ lục 6: Một số hệ sinh thái rừng hiếm có, nguy cấp và đang bị đe dọa ở Việt Nam**

<b>Loại rừng</b>	<b>Trạng thái rừng</b>
Rừng đỉnh và cận đỉnh ( $\geq 2600$ m)	Rừng còn trong điều kiện tốt, diện tích rộng, ít tác động
Rừng núi cao (1500 – 2600 m)	Rừng còn trong điều kiện tốt, diện tích rộng, ít tác động
Rừng lá kim tự nhiên	Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động
Rừng trên núi đá vôi	Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động
Rừng ngập mặn	Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động
Cồn cát	Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động
Rừng thường xanh trên núi đất thấp	Trung bình, giàu, nguyên sinh
Rừng khộp	Trung bình, giàu, nguyên sinh
Đầm lầy nước ngọt	Trung bình, giàu, nguyên sinh
Rừng bán thường xanh	Rừng còn trong điều kiện tốt, diện tích rộng, ít tác động

*Ghi chú: Các chỉ số đối với giá trị này ở Việt Nam chỉ có giá trị tham khảo.*